

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 639/2025/HC-PT

Ngày 23 – 5 – 2025

V/v “*Khiếu kiện quyết định hành chính
của Chủ tịch ủy ban nhân dân về quản lý
Nhà nước trong lĩnh vực đất đai*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tươi

Các Thẩm phán: Ông Mai Xuân Thành

Ông Hà Huy Cầu

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Phương Hà - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Đặng Quốc Hoàng - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 23 tháng 5 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 132/2025/TLPT-HC ngày 21 tháng 02 năm 2025 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân về quản lý Nhà nước trong lĩnh vực đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 48/2024/HC-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1274/2025/QĐ-PT ngày 14 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Người khởi kiện:** Ông Tăng Văn P, sinh năm 1964; Địa chỉ: Ấp N, thị trấn N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Trần Thanh T, sinh năm 1977; Địa chỉ: Khóm G, Phường A, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- **Người bị kiện:**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân (gọi tắt là “*Chủ tịch UBND*”) tỉnh B; Địa chỉ: Số E, đường N, Phường A, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Văn T1; Chức vụ: Chủ tịch (vắng mặt).

2. Chủ tịch UBND huyện H; Địa chỉ: Ấp N, thị trấn N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu;

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Văn C; Chức vụ: Phó Chủ tịch (vắng mặt).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Tăng Văn Đ, sinh năm 1952; Địa chỉ: Ấp K, xã L, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

2. Ông Tăng Văn S, sinh năm 1967; Địa chỉ: 5, đường số D, phường B, B, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Ông Tăng Văn Đ1, sinh năm 1964; Địa chỉ: Ấp K, xã L, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

4. Ông Tăng Văn N, sinh năm 1968; Địa chỉ: Ấp N, thị trấn N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

5. Ông Cao Văn S1, sinh năm 1956; Địa chỉ: Ấp N, thị trấn N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

6. Ông Cái Hiền D, sinh năm 1970; Địa chỉ: Ấp N, thị trấn N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

7. Ông Cái Hiền C1, sinh năm 1974; Địa chỉ: Ấp N, thị trấn N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

8. Ông Cái Quốc P1, sinh năm 1978; Địa chỉ: Ấp N, thị trấn N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

9. Bà Tăng Thị T2, sinh năm 1978; Địa chỉ: Ấp N, thị trấn N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

10. Bà Tăng Thị D1, sinh năm 1980; Địa chỉ: Ấp N, thị trấn N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

11. Ông Tăng Văn D2, sinh năm 1985; Địa chỉ: Ấp N, thị trấn N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

12. Ông Tăng Văn S2, sinh năm 1951; Địa chỉ: Ấp N, thị trấn N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

13. Bà Tăng Kim T3, sinh năm 1966; Địa chỉ: Ấp N, thị trấn N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

14. Ông Phạm Văn M;

15. Ông Phạm Văn H;

16. Bà Phạm Thị N1;

17. Ông Phạm Văn L;

18. Bà Phạm Thị Đ2;

19. Ông Phạm Văn T4;

Cùng địa chỉ: Ấp N, thị trấn N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.
(tất cả người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Người khởi kiện ông Tăng Văn P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo người khởi kiện ông Tăng Văn P trình bày:

Ngày 30/4/1975, mẹ của ông Tăng Văn P là Nguyễn Thị B có sang nhượng của bà Nguyễn Thị V một phần đất tọa lạc tại ấp N, thị trấn N, diện tích khoảng 50m². Việc mua bán có làm giấy tờ và có xác nhận của chính quyền chế độ cũ. Sau 1975 do cuộc sống của cha mẹ của ông P chưa ổn định nên chưa sử dụng căn nhà đã mua này, khi đó nhà nước quản lý, nhưng không có văn bản tiếp quản nhà đất của cơ quan có thẩm quyền ở thị trấn và huyện. Đến khoảng thời gian từ 1981 – 1984, UBND thị trấn N cho ông Lê Thanh T5 là Bí thư huyện H mượn để cất nhà cho con đi học, sau đó ông T5 trả đất lại cho nhà nước. Đến năm 1988, ông Tăng Tấn N2 là Chủ tịch thị trấn N cho ông Cao Văn S1 mượn cất nhà tạm để trông coi nhà máy đèn, chỉ là ở để trông coi nhà máy đèn gần đó chứ không có giao quyền sở hữu nhà cho ông S1.

Năm 1998, ông Tăng Văn P (tên thường gọi là Tăng Văn Đ3) làm đơn gửi UBND thị trấn N để đòi lại đất của cha mẹ do ông Cao Văn S1 đang ở, lý do: Cha mẹ của ông không phải là đối tượng sĩ quan, cán bộ của chế độ cũ thuộc diện bị tịch thu nhà. Vì vài năm sau năm 1975, nguyên dãy nhà mà mẹ của ông mua cũng được Nhà nước trả lại cho các chủ cũ.

Khi nhận đơn của ông P, UBND thị trấn N cho biết đất này do UBND huyện quản lý nên không giải quyết. Đến năm 2002, do ông P bận làm nhà cho ông Trương Quốc D3 nên không làm đơn yêu cầu UBND huyện H giải quyết đòi nhà đất do ông S1 đang ở. Vào khoảng năm 2003, ông S1 tự ý sửa nhà nên ông P có ra ngăn cản nên không tiến hành được.

Trong thời gian này, ông Tăng Văn N là em của ông P tự ý làm đơn khiếu nại đòi đất do Cao Văn S1 đang ở. Ông P không được biết việc khiếu nại của ông Tăng Văn N, vì ông N không có báo cho anh em của ông P hay biết. Vì vậy, ông P và tất cả anh em đều không có ủy quyền cho Tăng Văn N khiếu nại đòi đất của cha mẹ để lại.

Đến tháng 6/2023, khi ông P được biết có Quyết định giải quyết khiếu nại số 643/QĐ-UBND ngày 21/4/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh B bác khiếu nại của ông Tăng Văn N, nên ngày 16/11/2023 ông P nộp đơn khởi kiện tại Tòa án.

Từ những diễn biến trên thấy rằng, việc giải quyết của Chủ tịch UBND tỉnh B không đúng pháp luật bởi các lý do sau:

- Thứ nhất, nhà đất của cha mẹ ông P để lại không phải thuộc diện Nhà nước tiếp quản sau 1975, vì cha mẹ ông không thuộc thành phần của chế độ cũ, không thuộc đối tượng theo Quyết định số 111/CP ngày 14/4/1977 của Hội đồng Chính phủ về việc ban hành chính sách quản lý và cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nhà đất cho thuê tại các đô thị phía Nam. Hơn nữa, sau năm 1975 những căn

nhà đất liền kề với đất của cha mẹ ông P đã được Nhà nước xét trả lại cho chủ cũ. Đất của cha mẹ ông P thuộc diện Nhà nước cho ông S1 mượn sử dụng, việc ông S1 có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (gọi tắt là “*GCN.QSDD*”) là hoàn toàn không có căn cứ pháp luật.

- Thứ hai, ông Tăng Văn N không có ủy quyền của tất cả anh em của ông P để khiếu nại, vì vậy UBND huyện và UBND tỉnh giải quyết khiếu nại của ông N nhưng liên quan đến tài sản thừa kế của cha mẹ ông P, trong khi anh em của ông P chưa có ủy quyền là sai chủ thể.

Vì vậy, ông P khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy quyết định số 643/QĐ-UBND ngày 21/4/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh B.

Người bị kiện Chủ tịch UBND tỉnh B trình bày:

Ông Tăng Văn N tranh chấp với ông Cao Văn S1 phần đất có diện tích 60m². Ngày 12/4/2004, Chủ tịch UBND huyện H ban hành Quyết định số 05/QĐ-CT: Bác đơn yêu cầu của ông Tăng Văn N. Lý do: Năm 1975, bà Nguyễn Thị V chuyển nhượng lại cho bà Nguyễn Thị B, năm 1988 bà Nguyễn Thị B chuyển nhượng lại cho ông Cao Văn S1 sử dụng ổn định cho đến nay; ông S1 đã sử dụng liên tục, nay giữ nguyên hiện trạng cho ông S1 tiếp tục sử dụng. Ông N không đồng ý nên khiếu nại.

Ngày 02/6/2004, Chủ tịch UBND huyện H ban hành Quyết định số 387/QĐ-CT: Bác đơn khiếu nại của ông Tăng Văn N; giữ nguyên quyết định số 05/QĐ-CT ngày 12/4/2004 của Chủ tịch UBND huyện H.

Ông N không đồng ý, tiếp tục khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh cho rằng mẹ ông là bà Nguyễn Thị B không có chuyển nhượng phần đất nêu trên cho ông Cao Văn S1.

Ngày 12/6/2008, Chủ tịch UBND tỉnh B ban hành Quyết định số 1184/QĐ-UBND: Chấp nhận đơn khiếu nại của ông Tăng Văn N; hủy Quyết định số 387/QĐ-CT ngày 02/6/2004 của Chủ tịch UBND huyện H.

Ông Cao Văn S1 không đồng ý, làm đơn khiếu nại đến Thanh tra Chính phủ.

Ngày 24/11/2008, Cục I - Thanh tra Chính phủ ban hành Công văn số 211/CV-C.I.NV2, với nội dung: “*Công nhận Quyết định số 05/QĐ-CT ngày 12/4/2004 và Quyết định số 387/QĐ-CT ngày 02/6/2004 của Chủ tịch UBND huyện H là phù hợp với Luật Đất đai. Đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh thu hồi Quyết định số 1184/QĐ-UBND ngày 12/6/2008 và ban hành quyết định giải quyết lại vụ việc theo hướng: Bác đơn khiếu nại của ông Tăng Văn N vì không có căn cứ pháp lý và thực tế sử dụng, đồng thời công nhận cho gia đình ông Cao Văn S1 tiếp tục sử dụng phần đất mà ông đã quản lý sử dụng từ năm 1988 đến nay*”.

Ngày 28/6/2017, Chủ tịch UBND tỉnh B ban hành Quyết định số 1112/QĐ-UBND: Thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 1184/QĐ-UBND ngày 12/6/2008 của Chủ tịch UBND tỉnh. Lý do: Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh giải quyết chưa phù hợp với quy định của pháp luật.

Kết quả kiểm tra, xác minh:

Đất đang tranh chấp giữa ông Tăng Văn N và ông Cao Văn S1, diện tích 60m² có nguồn gốc của bà Trần Thị V1 chuyển nhượng lại cho bà Nguyễn Thị B (mẹ ruột ông Tăng Văn N) vào ngày 30/4/1975. Việc chuyển nhượng có làm giấy tờ, được chính quyền chế độ cũ chứng nhận.

Sau ngày 30/4/1975, Nhà nước tiếp quản phần đất nêu trên. Giai đoạn khoảng năm 1981 đến năm 1984, UBND thị trấn N bố trí cho ông Lê Thanh T5, nguyên Bí thư huyện ủy H1 mượn để cất nhà cho con đi học, sau đó ông T5 trả lại đất cho Nhà nước. Năm 1988, UBND thị trấn N giao cho ông Cao Văn S1 (là nhân viên Nhà máy đèn thị trấn N) cất nhà ở (bằng cây rừng, lợp lá) để tiện trông coi Nhà máy đèn.

Đến năm 1998, ông Tăng Văn Đ3 là anh ruột ông Tăng Văn N đại diện gia đình làm đơn yêu cầu gửi UBND thị trấn N đòi lại đất, được ông Trần Quốc K (thời điểm này là Chủ tịch UBND thị trấn N) xác nhận trong đơn, nội dung: *“Phần đất này nằm trong vùng quy hoạch của Nhà nước do huyện quản lý, thị trấn không có thẩm quyền giải quyết”*.

Năm 2003, do nhà xuống cấp, ông Cao Văn S1 dỡ bỏ nhà định cất lại thì ông Tăng Văn N ra ngăn cản và từ đó phát sinh tranh chấp.

Qua kết quả xác minh cho thấy, đất đang tranh chấp giữa ông Tăng Văn N với ông Cao Văn S1 sau năm 1975, Nhà nước đã tiếp quản đúng quy định và đã trực tiếp quản lý, bố trí sử dụng đất như cho ông Lê Thanh T5 (nguyên Bí thư huyện ủy H1) mượn cất nhà ở giai đoạn từ năm 1981 đến năm 1984; đến năm 1988 thì bố trí cho ông Cao Văn S1 quản lý, sử dụng cho đến nay. Do đó, việc khiếu nại, tranh chấp đòi lại đất của ông Tăng Văn N là không có cơ sở xem xét.

Ngoài ra, việc khiếu nại của ông Tăng Văn N đã được Cục I - Thanh tra Chính phủ kiểm tra, xác minh làm rõ và khẳng định việc yêu cầu đòi lại đất của ông Tăng Văn N là không có cơ sở như vừa nêu trên.

Quá trình rà soát lại vụ việc, thấy rằng Quyết định số 05/QĐ-CT ngày 12/4/2004 và Quyết định số 387/QĐ-UBND ngày 02/6/2004 của Chủ tịch UBND huyện H (giữ nguyên Quyết định số 05/QĐ-CT ngày 12/4/2004), mặc dù giải quyết bác đơn yêu cầu của ông Tăng Văn N, nhưng trong phần lý do bác đơn đã xác định phần đất tranh chấp có nguồn gốc của bà Nguyễn Thị B (mẹ ông N) chuyển nhượng lại cho ông Cao Văn S1 sử dụng vào năm 1988 là không đúng với thực tế nguồn gốc đất và diễn biến sử dụng đất vừa nêu trên. Do đó, Chủ tịch UBND huyện H cần phải sửa đổi nội dung các Quyết định đã giải quyết đã qua cho đúng với nguồn gốc đất và quá trình quản lý, bố trí sử dụng phần diện tích đất tranh chấp.

Từ những nội dung nêu trên, ngày 21/4/2022, Chủ tịch UBND tỉnh B ban hành Quyết định số 643/QĐ-UBND (lần 2), giải quyết khiếu nại của ông Tăng Văn N (liên quan đến vụ việc tranh chấp đất đai giữa ông Tăng Văn N với ông Cao Văn S1); trong đó, bác đơn khiếu nại của ông Tăng Văn N và giao Chủ tịch UBND huyện H sửa đổi một phần nội dung (phần nguồn gốc đất) tại Quyết định

05/QĐ-CT ngày 12/4/2004 và Quyết định số 387/QĐ-CT ngày 02/6/2004 của Chủ tịch UBND huyện H là đúng quy định của pháp luật.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan UBND huyện H là ông Nguyễn Văn C trình bày:

Căn cứ Quyết định số 643/QĐ-UBND ngày 21/4/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh B về việc giải quyết đối với khiếu nại của ông Tăng Văn N, cư ngụ: Ấp N, thị trấn N, huyện H (lần 2). Ngày 04/5/2022, Chủ tịch UBND huyện H đã ban hành Quyết định số 1611/QĐ-UBND về việc sửa đổi một phần nội dung (phần nguồn gốc đất) tại Quyết định số 05/QĐ-CT ngày 12/4/2004 của Chủ tịch UBND huyện H và Quyết định số 1657/QĐ-UBND ngày 06/5/2022 của Chủ tịch UBND huyện H về việc sửa đổi một phần nội dung (phần nguồn gốc đất) tại Quyết định số 387/QĐ-UBND ngày 02/6/2004 của Chủ tịch UBND huyện H. Thành lập Tổ công tác triển khai các Quyết định số 643/QĐ-UBND ngày 21/4/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh B và Quyết định số 1611/QĐ-UBND ngày 04/5/2022, Quyết định số 1657/QĐ-UBND ngày 06/5/2022 của Chủ tịch UBND huyện H đến ông Tăng Văn N và ông Cao Văn S1 theo đúng trình tự quy định của pháp luật. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 48/2024/HC-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu, quyết định:

Căn cứ Điều 30, Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 348 của Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Tăng Văn P về việc yêu cầu hủy Quyết định số 643/QĐ-UBND ngày 21/4/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc giải quyết khiếu nại của ông Tăng Văn N (lần 2 – Liên quan đến vụ việc tranh chấp đất đai giữa ông Tăng Văn N với ông Cao Văn S1)

Ngoài ra án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo theo luật định.

- Ngày 14/10/2024, người khởi kiện ông Tăng Văn P có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Lý do kháng cáo: Bản án sơ thẩm đánh giá không đúng và đầy đủ các chứng cứ chứng minh nguồn gốc đất sử dụng hợp pháp của mẹ ông P, nên kết luận không đúng thực tế khách quan, việc Chủ tịch UBND tỉnh B chấp nhận giải quyết khiếu nại của ông Tăng Văn N và bác yêu cầu khiếu nại của ông Tăng Văn N khi ông N chưa được các đồng thừa kế của cụ B (mẹ ông P) ủy quyền là giải quyết không

đúng chủ thể, tước đoạt quyền yêu cầu của tất cả anh em của ông P đối với di sản của cụ Nguyễn Thị B để lại. Vì thế, ông P giữ nguyên các căn cứ khiếu nại như nội dung án sơ thẩm đã nêu và yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của ông P, sửa án sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông P hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 643/QĐ-UBND ngày 21/4/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh B.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- *Người kháng cáo ông Tăng Văn P có ông Trần Thanh T đại diện, trình bày:* Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, ông T bảo lưu lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của ông P như nội dung án sơ thẩm đã nêu trên. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện ông Tăng Văn P, sửa án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông P.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- *Về tố tụng:* Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án, từ khi thụ lý đến thời điểm hiện nay thấy rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính, không có vi phạm.

- *Về nội dung:* Khi giải quyết Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đánh giá toàn diện chứng cứ, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Tại cấp phúc thẩm không có căn cứ nào mới, nên đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người khởi kiện ông Tăng Văn P, giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về tố tụng:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm xét xử ngày 30/9/2024, đến ngày 14/10/2024 ông Tăng Văn P có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, nên đơn kháng cáo của ông P còn trong hạn luật định và hợp lệ, được xem xét tại cấp phúc thẩm theo quy định tại Điều 206 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[2] Về điều kiện khởi kiện, đối tượng khởi kiện, thẩm quyền giải quyết, thời hiệu khởi kiện và xác định quyết định hành chính có liên quan: Tòa sơ thẩm xác định và thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 3, Điều 30, khoản 4 Điều 32, Điều 115, Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[3] Về quyết định hành chính có liên quan đến quyết định hành chính bị khởi kiện: Căn cứ Điều 6 và khoản 1 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính, Tòa sơ thẩm xác định các quyết định hành chính có liên quan, gồm: Quyết định số 05/QĐ-CT ngày 12/4/2004 của Chủ tịch UBND huyện H về việc bác đơn yêu cầu của ông Tăng Văn N; Quyết định số 1611/QĐ-CT ngày 04/5/2022 của Chủ tịch

UBND huyện H về việc sửa đổi một phần nội dung Quyết định số 05/2004 phân xác định nguồn gốc đất; Quyết định số 387/QĐ-CT ngày 02/6/2004 của Chủ tịch UBND huyện H về việc giải quyết khiếu nại hành chính, bác khiếu nại quyết định hành chính của ông Tăng Văn N; Quyết định số 1657/QĐ-UBND ngày 06/5/2022 của Chủ tịch UBND huyện H về việc sửa đổi một phần nội dung Quyết định số 387/2004 phân xác định nguồn gốc đất là đúng quy định.

[4] Người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo có đơn xin xét xử vắng mặt hoặc vắng mặt lần hai không lý do. Vì vậy, căn cứ Điều 225 Luật Tố tụng hành chính, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt.

- Về nội dung:

Đối với kháng cáo của người khởi kiện ông Tăng Văn P, xét:

[1] Xét tính hợp pháp của Quyết định số 643/QĐ-UBND ngày 21/4/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh B về việc giải quyết khiếu nại của ông Tăng Văn N (lần 2 – Liên quan đến vụ việc tranh chấp đất đai giữa ông Tăng Văn N với ông Cao Văn S1)

[1.1] Về thẩm quyền ban hành:

Theo Khoản 2 Điều 21 Luật Khiếu nại quy định về thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp tỉnh: “*Giải quyết khiếu nại lần hai đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của Chủ tịch UBND cấp huyện, Giám đốc sở và cấp tương đương đã giải quyết lần đầu nhưng còn khiếu nại hoặc khiếu nại lần đầu đã hết thời hạn nhưng chưa được giải quyết*”. Như vậy, việc Chủ tịch UBND tỉnh B ban hành Quyết định số 643/QĐ-UBND ngày 21/4/2022 về việc giải quyết khiếu nại của ông Tăng Văn N (lần 2) là đúng thẩm quyền.

[1.2] Về hình thức ban hành:

Quyết định số 643/QĐ-UBND ngày 21/4/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh B đã ban hành đúng theo quy định tại Điều 30 Luật Khiếu nại.

[1.3] Về nội dung của quyết định:

Thực tế, phần đất tranh chấp trước năm 1975 ông Lê Hoàng S3 - Cảnh sát trưởng xã N cất nhà ở. Ngày 30/4/1975, bà V1 (vợ ông S3) lập giấy sang nhượng nhà đất cho cụ B (mẹ ông P, ông N) là phần đất diện tích ngang 3,5m, dài 14m; điều này được người khởi kiện và người bị kiện thống nhất xác định. Sau ngày 30/4/1975, Nhà nước đã quản lý toàn bộ diện tích đất này. Đồng thời, từ ngày 30/4/1975 cho đến năm 2024 (49 năm), cụ Nguyễn Thị B và tất cả các người con của cụ B đều không quản lý, sử dụng đất.

Đối với ông P, dù ông P ở tại ấp N, thị trấn N là nơi có diện tích đất tranh chấp giữa ông N và ông S1, nhưng ông P không có ý kiến gì từ năm 1998 đến năm 2023 (25 năm).

Và khi vợ chồng cụ B (chết năm 2006), cụ Q (chết năm 1996) còn sống cũng không có bất cứ khiếu nại nào liên quan đến phần đất diện tích ngang 3,5m,

dài 14m nêu trên; cụ B, cụ Q cũng không uỷ quyền cho bất cứ ai khiếu nại về vấn đề này.

Đất ông S1 ở không phải do ông S1 tự chiếm mà được chính quyền thị trấn giao để ở và quản lý, sử dụng ổn định. Trong quá trình quản lý, sử dụng đất, gia đình ông S1 có đăng ký, kê khai, đóng thuế cho Nhà nước và từ năm 1988 đến nay gia đình ông S1 là người trực tiếp sử dụng đất.

Do đó, việc Chủ tịch UBND tỉnh B ban hành Quyết định số 643/QĐ-UBND ngày 21/4/2022, không chấp nhận đơn khiếu nại của ông Tăng Văn N, ngụ ấp N, thị trấn N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Do quyết định hành chính nêu trên ban hành là có căn cứ, đúng quy định pháp luật nên các quyết định hành chính có liên quan là đúng quy định pháp luật.

[3] Từ những phân tích nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông P là có căn cứ, đúng quy định, bởi lẽ mặc dù các đồng thừa kế của cụ B, cụ Q không uỷ quyền cho ông N đứng ra tranh chấp với ông S1, nhưng việc giải quyết khiếu nại giữa ông N và ông S1 là giải quyết tranh chấp phần đất ngang 3,5m, dài 14m mà cụ B (mẹ ông P, ông N) mua của bà V1 bằng giấy tay ngày 30/4/1975. Kết quả đã bác yêu cầu của ông N, nên việc ông P yêu cầu hủy quyết định giải quyết khiếu nại do giải quyết không đúng chủ thể thì việc có giải quyết lại cũng không thay đổi bản chất của vụ án là công nhận đất cho ông S1. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát; bác kháng cáo của người khởi kiện ông Tăng Văn P, giữ nguyên án sơ thẩm.

[4] Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Tăng Văn P là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, miễn án phí phúc thẩm cho ông P.

[5] Quyết định khác của bản án sơ thẩm về án phí không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241, Điều 3, Điều 30, Điều 32, Điều 116, Điều 193, Điều 206, Điều 349 Luật Tổ tụng hành chính 2015; Luật Khiếu nại năm 2011; Luật Đất đai năm 2013; Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Bác kháng cáo của ông Tăng Văn P; giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 48/2024/HC-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

2. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Tăng Văn P về việc yêu cầu hủy Quyết định số 643/QĐ-UBND ngày 21/4/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc giải quyết khiếu nại của ông Tăng Văn N (lần 2 – Liên quan đến vụ việc tranh chấp đất đai giữa ông Tăng Văn N với ông Cao Văn S1).

3. Án phí hành chính phúc thẩm: Miễn án phí cho ông Tăng Văn P.

4. Quyết định khác của bản án sơ thẩm về án phí không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- Cục THADS tỉnh Bạc Liêu;
- Các đương sự;
- Lưu VT (5), HS (2), 20b, (TK-PH).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Tửu